

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HSST

Ngày 18-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Thẩm phán: Ông Võ Đình Nghị

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Chu Văn Khuông; Phó ban kiểm tra,
Hội Cựu chiến binh tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Phùng Thị Hoài Phương; Cán bộ
hưu trí, nguyên Phó hiệu trưởng Trường THPT Trần Phú.

3. Bà Lê Thị Xuân Liên; Cán bộ Hội
liên hiệp phụ nữ tỉnh Lâm Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hùng Oai; Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2017/TLST-HS
ngày 30-11-2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HS
ngày 05-01-2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Ngọc T**, sinh ngày 29-6-1994 tại tỉnh Gia Lai; Nơi
ĐKHKTT: Tổ m, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Không nơi ở
nhất định; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới
tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc L, sinh năm 1964; Con bà
Phan Thị Y, sinh năm 1964; hiện đều sinh sống tại thành phố P, tỉnh Gia Lai; Bị
cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 29-6-2017 hiện đang tạm giam tại
Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Đặng Hồng K; Văn phòng luật sư BT; Đoàn luật
sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Họ và tên: **Châu Hải L**, sinh ngày 16-8-2001 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi
ĐKHKTT: Ấp N, xã T, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Không nơi ở nhất

định; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Chí H, sinh năm 1970; Con bà Phan Thị D, sinh năm 1972; hiện đều sinh sống tại tỉnh Bình Dương;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 29-6-2017 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Châu Chí H, sinh năm 1970; bà Phan Thị D, sinh năm 1972; Nơi ĐKKHKT: Ấp N, xã T, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

Người bào chữa: Trợ giúp viên Nguyễn Ngọc Hoàng G; Trợ giúp viên Lê Thị L; Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bị hại: Ông Đỗ Văn Tr (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1969; bà Đoàn Thị H, sinh năm 1971; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn L, xã H, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng; Ông Hùng đại diện vợ chồng. Có mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1964; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ m, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Trương Thị H, sinh 1987; Nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã TX, huyện CD, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bà Bùi Đào Phương D, sinh ngày 12-5-2002; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã H, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Ông Nguyễn Duy T, sinh 1987; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã TG, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Xuân K, sinh 1998; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã H, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị A, sinh 1996; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã H, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Ông Bùi Hải N, sinh 2002; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn L, xã H, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi được giới thiệu của Trung tâm giới thiệu việc làm Đức Hoàng, sáng ngày 27-6-2017 bị hại anh Tr đến Trung tâm nhận bị cáo T, bị cáo L về làm vườn (làm công) cho bị hại.

Ngày 28-6-2017, bị hại phân công bị cáo T, bị cáo L khiêng cây để làm cột trồng tiêu. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng công việc nặng, không phù hợp với nguyện vọng của mình, nên các bị cáo cùng xin bị hại cho nghỉ việc, còn bị hại yêu cầu mỗi bị cáo phải hoàn lại 3.000.000đ mà bị hại đã nộp cho Trung tâm giới thiệu việc làm.

Do không có tiền trả cho bị hại, trong khi chứng minh nhân dân bị hại đang giữ, nên tối ngày 28-6-2017, bị cáo L bàn với bị cáo T thực hiện hành vi “*bị cáo L đứng phía sau dùng tay siết cổ bị hại, bị cáo T dùng dao đâm bị hại, sau đó lấy chứng minh nhân dân, ba lô quần áo, lấy xe Win của bị hại làm phương tiện bỏ trốn*”.

Sáng ngày 29-6-2017, các bị cáo lấy lý do đợi người nhà mang tiền đến để hoàn lại cho bị hại, nên không đi làm cùng với những người khác; đến khoảng 10 giờ ngày 29-6-2017, thấy bị hại đội mũ bảo hiểm đi ra ngoài và khi đến cửa nhà, bị cáo T chặn lại và nói “*nếu bây giờ không có tiền, thì có đưa tụi em ra lại dịch vụ không?*”; bị hại nói “*tao không biết, mỗi thằng phải trả 3.000.000^d*” thì bị cáo T nói “*anh ép em quá*” đồng thời rút dao bấm dài 20cm đâm vào ngực bị hại; bị cáo L cầm cây tre dài khoảng 50cm (đường kính khoảng 4cm) đánh từ trên xuống trúng vai bị hại, bị cáo T tiếp tục dùng dao đâm thêm nhiều nhát vào người bị hại, sau đó, bị hại xô bị cáo T ra, nhảy xuống ao trước nhà để tránh bị truy sát và hô “*Giết người, giết người*”. Lúc này, chị H là người sống cùng với bị hại chạy ra, thấy bị cáo T cầm dao đâm bị hại nên hô “*Cướp, cướp*”, bị cáo L, bị cáo T cùng vào nhà lấy ba lô bỏ chạy; riêng bị cáo L còn đến chiếc xe mô tô hiệu Win biển số 53Y1-5594 của bị hại dựng gần đó dắt đi nhưng không được, nên quay lại nói với bị cáo T là “*tao không dắt được, mày dắt đi*”; bị cáo T nói “*Ừ để tao*” rồi đưa ba lô cho bị cáo L cầm và đi đến dắt xe. Khi bị cáo T vừa cầm vào xe thì chị H cầm cây chạy đến đánh nên bị cáo T bỏ chạy theo bị cáo L vào vườn cà phê lần chôn sau đó bị quần chúng nhân dân và lực lượng Công an xã truy tìm bắt giữ, còn bị hại anh Tr được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trạm y tế xã H sau đó đã chết.

Tại Kết luận pháp y số 224/2017/KLPY ngày 20-11-2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận bị hại anh Tr chết do nguyên nhân “*Truy tìm mạch, suy hô hấp cấp do vết thương vào tim*”.

Về bồi thường thiệt hại: Đại diện bị hại xác định chi phí mai táng số tiền 72.620.000đ (trong đó có 25.000.000^d tiền xây mộ), gia đình bị cáo T đã bồi thường được 30.000.000^d; đại diện bị hại yêu cầu bồi thường số tiền chi phí mai táng còn lại, tiền tổn thất tinh thần 100.000.000^d, tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại là cháu Đỗ Quốc B, sinh ngày 22-11-2010 đến khi đủ 18 tuổi số tiền 2.500.000^d/tháng.

Quá trình điều tra đã thu giữ 01 dao bấm dài 20cm mũi nhọn (cán bằng kim loại dài 11cm hai bên cán được ốp nhựa màu đen, lưỡi dài 9cm, chỗ rộng nhất 2cm); 01 xe mô tô hiệu Win, sơn đen, Biển số 53Y1-5594; 01 áo thun thể thao

màu đen, 01 áo thun màu xanh đen cổ tròn, 01 áo sơ mi màu cam, 01 điện thoại di động cảm ứng, 01 chứng minh nhân dân số 2310063943; Giấy phép lái xe số 640163002167 đều mang tên Lê Ngọc T; 01 Chứng minh nhân dân số 341995527 mang tên Châu Hải L.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 53Y1-5594 được trưng cầu định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lâm Hà xác định trị giá 4.650.000đ.

Tại bản cáo trạng số 37/VKS-P2 ngày 30-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Lê Ngọc T, bị cáo Châu Hải L về tội “*Giết người*” theo điểm g khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự; tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng, đề nghị tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc T, Châu Hải L phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”;

- Đối với bị cáo Lê Ngọc T: Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 93, điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt tù 18 năm đến 20 năm tù về tội “*Giết người*”; áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt tù 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự; tổng hợp chung buộc bị cáo Thọ chấp hành chung hai tội từ 21 năm đến 24 năm tù.

- Đối với bị cáo Châu Hải L: Áp dụng theo điểm g khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 33, 53, 69, 74 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt tù 09 năm đến 10 năm tù về tội “*Giết người*”; áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 33, 53, 69, 74 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt tù 01 năm tù đến 02 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự tổng hợp chung buộc bị cáo Long chấp hành chung hai tội từ 10 năm tù đến 12 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T, bố mẹ của bị cáo L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, cấp dưỡng nuôi con bị hại cháu Đỗ Quốc B, sinh ngày 22-11-2010; cháu Phùng Thị Quỳnh C, sinh ngày 19-12-2014 theo quy định pháp luật.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận về hành vi giết người như bản cáo trạng truy tố, không thắc mắc khiếu nại về nội dung này; đồng ý bồi thường thiệt hại như đại diện bị hại yêu cầu; bị cáo L cho rằng bị cáo dùng cây đánh bị hại thì không thể làm bị hại chết được, đề nghị Tòa xem xét. Các bị cáo T, L đều xác định không cướp tài sản xe mô tô của bị hại như Cáo trạng truy tố, đề nghị Tòa án xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T thống nhất về tội danh; điểm khoản của Điều luật áp dụng như cáo trạng quy kết là có căn cứ, đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để quyết định mức hình phạt thấp nhất.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa, người đại diện hợp pháp bị cáo L thống nhất về tội danh; điểm khoản của Điều luật áp dụng như cáo trạng quy kết là có căn cứ, đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để quyết định mức hình phạt thấp nhất.

Đại diện bị hại ông H trình bày bị hại anh Tr và chị Đoàn Thị Đ là vợ chồng nhưng đã ly hôn, có 01 con chung tên Đỗ Quốc B, sinh ngày 22-11-2010; Bị hại Tr và chị Phùng Thị V là vợ chồng nhưng đã ly hôn có 01 con chung tên Phùng Thị Quỳnh C, sinh ngày 19-12-2014.

Về thiệt hại cộng chung 172.620.000đ; trong đó chi phí mai táng là 72.620.000đ; tổn thất tinh thần cho người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất (gồm 2 con của bị hại; bố mẹ của bị hại) là 100.000.000đ. Ngoài ra, bị hại có 02 con nêu trên; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 01 lần 300.000.000đ.

Đối với người đại diện hợp pháp của bị cáo L xác định bị cáo L không có tài sản riêng, đồng ý bồi thường thiệt hại như đại diện bị hại yêu cầu.

Người liên quan ông L xác định đã bồi thường thay bị cáo T cho bị hại số tiền 30.000.000đ, nay không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo được thuê làm công cho bị hại nhưng lại cho rằng công việc nặng nhọc, không phù hợp với nguyên vọng tại Trung tâm giới thiệu việc làm, nên từ chối, trong khi đó, bị hại anh Tráng đã trả phí cho Trung tâm, nên yêu cầu mỗi bị cáo hoàn trả số tiền phí đã trả. Do các bị cáo không có tiền, bị hại cất giữ giấy tờ tùy thân của các bị cáo, nên bị cáo L bàn với với bị cáo T cùng thực hiện hành vi theo phân công “*bị cáo L sẽ siết cổ bị hại, bị cáo T dùng dao đâm bị hại*” để lấy lại giấy tờ tùy thân, lấy xe máy của bị hại làm phương tiện bỏ trốn. Do vậy, đến khoảng 10 giờ ngày 29-6-2017, khi bị hại ra đến cửa, bị cáo T chặn bị hại lại, dùng dao bấm mang theo sẵn đâm vào ngực bị hại; bị cáo L lấy cây tre đánh bị hại, sau đó các bị cáo chiếm đoạt xe mô tô loại Win biển số 53Y1-5594 bỏ trốn. Tuy nhiên, do chị H phát hiện truy hô, nên các bị cáo bỏ chạy, sau đó bị quần chúng nhân dân và lực lượng Công an xã truy tìm bắt giữ. Hậu quả của hành vi, làm cho bị hại bị thương tích, được đưa đi cấp cứu sau đó bị hại đã chết do “*Truy tìm mẠch, suy hô hấp cấp do vết thương vào tim*”.

Các bị cáo cùng cho rằng “*không cướp tài sản*” xe mô tô của bị hại là không có căn cứ. Bởi lẽ, ý thức chiếm đoạt xe mô tô để bỏ trốn đã được bàn bạc trước nhưng khi thực hiện, do chị H phát hiện ngăn chặn nên chưa chiếm đoạt được tài sản. Các bị cáo bàn bạc cách thức thực hiện “*bị cáo Thọ dùng dao đâm bị hại*” thì hậu quả bị cáo L phải chịu trách nhiệm về hành vi bị cáo T thực hiện; người bào chữa cho các bị cáo đều thống nhất về tội danh, áp dụng pháp luật như đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đối chiếu giữa lời khai nhận của các bị cáo,

lời khai người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, biên bản hiện trường, vật chứng thu giữ; kết luận giám định pháp y; đã có đủ căn cứ các bị cáo T, bị cáo L phạm tội “*Giết người*” quy định điểm g khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự; tội “*Cướp tài sản*” quy định khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm hại đến khách thể tính mạng con người; tài sản được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, chỉ vì lý do công việc nặng nhọc, không phù hợp với nguyên vọng, từ chối làm công cho bị hại nhưng bị hại không chấp nhận, các bị cáo bàn bạc thống nhất cùng thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo L là người đề xướng. Do vậy, cần quyết định mức án nghiêm khắc; cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ cho từng tội cụ thể “*thành khẩn khai báo*” nên áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho các tội. Bị cáo T tác động gia đình đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với tội giết người là phù hợp. Ngoài ra, các bị cáo cùng đồng phạm thực hành, nên áp dụng Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định mức hình phạt từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt chung theo quy định pháp luật. Đối với bị cáo L khi thực hiện hành vi phạm tội dưới 16 tuổi (*15 tuổi 10 tháng 14 ngày*), nên áp dụng thêm Điều 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định mức hình phạt của từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt chung theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo đối với tội “*cướp tài sản*”, đối chiếu với tình tiết vụ án thể hiện hành vi cướp tài sản (xe Win) của bị hại nhằm làm phương tiện bỏ trốn đã được bàn bạc trước; khi thực hiện không chiếm đoạt được xe là do chị H cầm cây chạy đến đánh nên bị cáo T bỏ chạy, nên không chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị hại xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường gồm chi phí mai táng là 72.620.000đ; tổn thất tinh thần cho người thuộc hàng thừa kế thứ nhất (*gồm 02 con của bị hại, cha mẹ bị hại*) là 100.000.000đ; yêu cầu bồi thường cấp dưỡng một lần số tiền 300.000.000đ để nuôi 02 con của bị hại cháu B, sinh ngày 22-11-2010; cháu C, sinh ngày 19-12-2014. Về phía bị cáo T; đại diện hợp pháp của bị cáo L cùng đồng ý bồi thường như đại diện bị hại yêu cầu. Xét việc thỏa thuận bồi thường là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nên cần buộc bị cáo T, vợ chồng ông H, bà D (*bố mẹ bị cáo L*) có trách nhiệm liên đới bồi thường cho đại diện bị hại ông H, bà H (*bố mẹ bị hại*) số tiền 472.620.000đ, theo phần bị cáo T bồi thường 236.310.000đ, đã bồi thường 30.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 206.310.000đ; vợ chồng anh H, chị D bồi thường 236.310.000đ. Đối với khoản

tiền tổn thất tinh thần, cấp dưỡng nuôi 02 con của bị hại, vợ chồng ông H, bà H nhận, sau đó chuyển cho người trực tiếp nuôi dưỡng từng con bị hại

[4] Về vật chứng: Đối với vật chứng 01 dao bấm dài 20cm mũi nhọn (*cán bằng kim loại dài 11cm hai bên cán được ốp nhựa màu đen, lưỡi dài 9cm, chỗ rộng nhất 2cm*); 01 áo thun thể thao màu đen; 01 áo thun màu xanh đen cổ tròn; 01 áo sơ mi màu cam không còn giá trị sử dụng. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với các giấy tờ liên quan đến nhân thân thu giữ của các bị cáo gồm chứng minh nhân dân số 2310063943; Giấy phép lái xe số 640163002167; chứng minh nhân dân số 341995527 cần trả lại cho từng bị cáo. Đối với 01 điện thoại di động cầm ứng thu giữ của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội (*nhắn tin về cách thực thực hiện phạm tội*), nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với xe mô tô hiệu Win, biển số 53Y1-5594 thu giữ của bị hại anh Tr, khi thu giữ không có giấy tờ; tại phiên tòa đại diện bị hại khai xe máy trên đã mua giấy tay, nên cần trả lại cho đại diện hợp pháp bị hại; trường hợp có tranh chấp về vật chứng này quy định khoản 4 Điều 106 của Bộ luật hình sự thì để xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với vật chứng cây tre dài khoảng 50cm (*đường kính khoảng 4cm*) bị cáo L dùng để đánh bị hại, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy, nên không đề cập.

[5] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra, Điều tra viên thực hiện đúng hành vi tố tụng, thu thập chứng cứ, tài liệu do bảo đảm theo đúng quy định pháp luật tố tụng; bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo trong quá trình điều tra; thực hiện việc giao nhận các văn bản tố tụng cho bị cáo, người tham gia tố tụng bảo đảm đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định về hoạt động kiểm sát điều tra, kiểm sát truy tố; thực hành quyền công tố. Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ bào chữa cho bị cáo.

[6] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Miễn án phí dân sự cho bị cáo T, vợ chồng ông H, bà D để tạo điều kiện thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc T, bị cáo Châu Hải L phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 93, điểm b, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 33 của Bộ luật hình sự đối với tội “*Giết người*”; khoản 1 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53, 33 của Bộ luật hình sự đối với tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T 18 năm tù về tội “*Giết người*”; 03 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 21 (*hai mươi mốt*) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 29-6-2017.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 33, 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội “*Giết người*”; khoản 1 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 33, 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Châu Hải L 09 năm tù về tội “*Giết người*”; 01 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng Điều 75 của Bộ luật hình sự năm 1999, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 10 (*mười năm*) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 29-6-2017.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 591 của Bộ luật dân sự, Buộc bị cáo Lê Ngọc T, vợ chồng ông Châu Chí H, bà Phan Thị D có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại ông Đỗ Văn H, bà Đoàn Thị H số tiền 472.620.000đ; theo phần bị cáo Lê Ngọc T bồi thường 236.310.000đ, đã bồi thường 30.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 206.310.000đ; vợ chồng ông Châu Chí H, bà Phan Thị D bồi thường 236.310.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 dao bấm dài 20cm mũi nhọn; 01 áo thun thể thao màu đen; 01 áo thun màu xanh đen cổ tròn; 01 áo sơ mi màu cam; Tịch thu súng quỳ nhà nước 01 điện thoại di động cảm ứng;

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc T 01 chứng minh nhân dân số 2310063943; Giấy phép lái xe số 640163002167; Trả lại cho bị cáo Châu Hải L 01 chứng minh nhân dân số 341995527;

- Trả lại cho đại diện hợp pháp bị hại ông Đỗ Văn H, bà Đoàn Thị H 01 xe mô tô hiệu Win, biển số 53Y1-5594;

(Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, theo biên bản ngày 04-12-2017).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Ngọc T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Châu Hải L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự cho bị cáo Lê Ngọc T, vợ chồng ông Châu Chí H, bà Phan Thị D.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo L; người bào chữa của bị cáo L người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Công an tỉnh Lâm Đồng (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Bị cáo (mỗi bị cáo 01 để thi hành);
- Đại diện hợp pháp bị cáo (1);
- Đại diện hợp pháp bị hại (1);
- Người liên quan (1);
- Người bào chữa (3);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1);
- Hồ sơ THAHS (2);
- Lưu hồ sơ (1); Ấn văn (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng